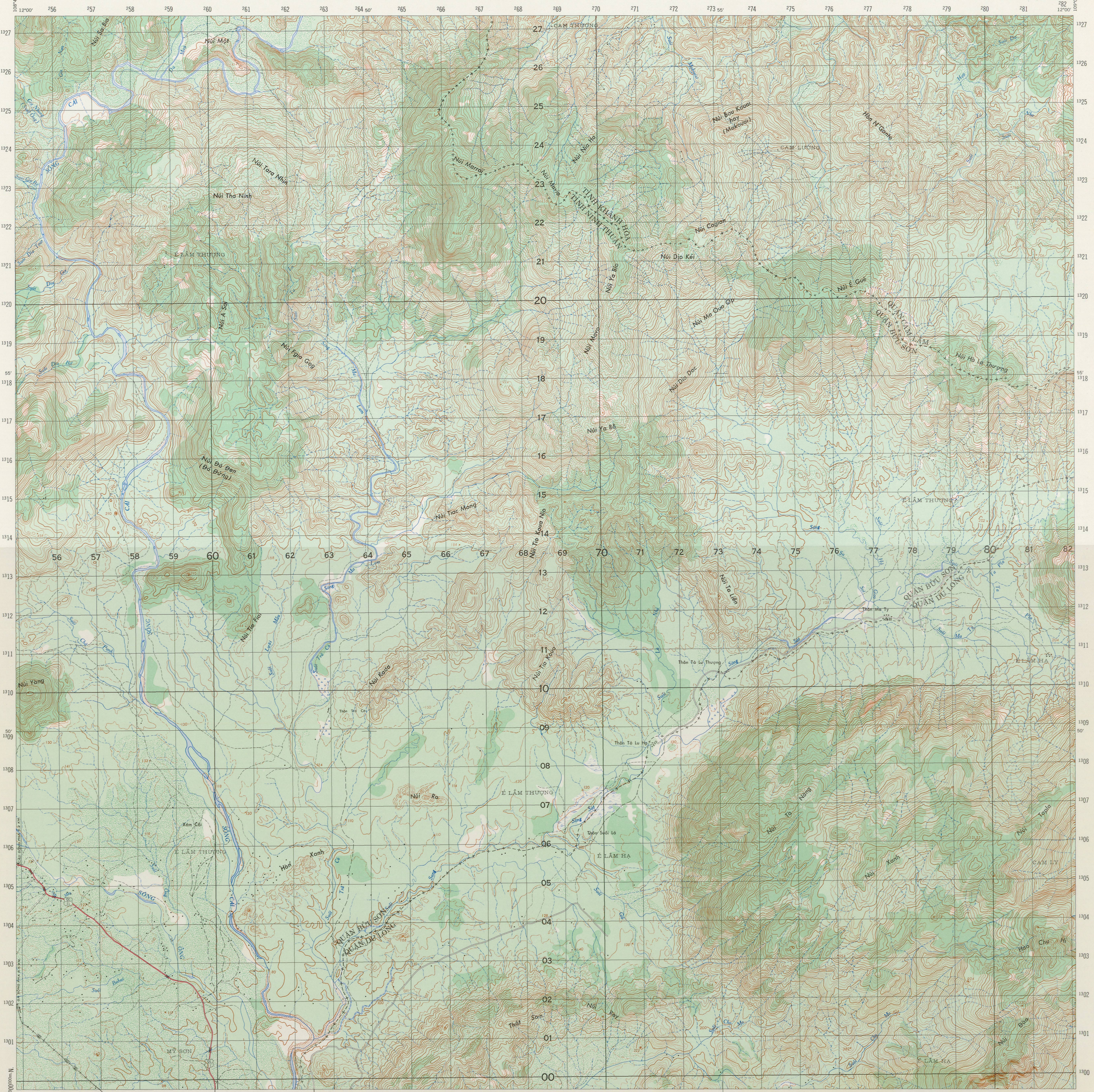




LEGEND - CHỈ DẪN
MAP INFORMATION AS OF 1965
BẢN ĐỒ THÔNG TIN NĂM 1965

On this map a LANE is considered as being a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width. Trên bản đồ này một LANE được coi như rộng ít nhất là 2.4 mét.

Dense forest or jungle indicates more than 25 percent of ground is concealed by canopy with undergrowth generally impassable on foot. Clear forest indicates more than 25 percent of ground is concealed by canopy with undergrowth generally passable on foot. Vegetation classified by office identification from aerial photography. Rừng rậm hay rừng già chỉ rừng cây bụi hoặc cây bụi nhỏ dưới 25%. Rừng thưa chỉ rừng cây bụi hoặc cây bụi nhỏ dưới 25%. Rừng thưa chỉ rừng cây bụi hoặc cây bụi nhỏ dưới 25%. Rừng thưa chỉ rừng cây bụi hoặc cây bụi nhỏ dưới 25%.

When referring to populated place names, include UTM grid coordinates. THE NUMBER IN PARENTHESES FOLLOWING A POPULATED PLACE NAME INDICATES MORE THAN ONE PLACE IS SO NAMED WITHIN THE MAP SHEET AREA.

ROADS - ĐƯỜNG
All weather, hard surface, two or more lanes wide
Đường cứng, hai làn xe
All weather, loose or light surface, two or more lanes wide
Đường cứng, hai làn xe
All weather, hard surface, one lane wide
Đường cứng, một làn xe
All weather, loose or light surface, one lane wide
Đường cứng, một làn xe
Fair or dry weather, loose surface - Đường đất
Cao tốc - Đường đất
Footpath, trail - Đường mòn, đường bộ hành
Đường mòn, đường bộ hành

ROUTE MARKERS - DẤU HIỆU ĐƯỜNG
Quốc lộ: Làn đường
Quốc lộ: Làn đường
Quốc lộ: Làn đường

RAILROADS - ĐƯỜNG XE LỬA
Normal gauge, double track
Loại đường sắt, hai làn
Normal gauge, single track
Loại đường sắt, một làn
Narrow gauge, single track
Loại đường sắt, một làn

Airfield: All weather: Sân bay
Sân bay: Đường cứng, hai làn
Sân bay: Đường cứng, hai làn

BRIDGE
Wood - Cầu gỗ
Steel - Cầu thép
Concrete - Cầu bê tông
Footbridge - Cầu nhỏ
Ferry - Phà
Ford - Chỗ lội qua
Road on trestle - Đường trên cầu
Levee wall - Bức tường ngăn nước
Canal or ditch: Less than 18 meters wide, Over 18 meters wide
Kênh hay mương: Rộng dưới 18 mét, Rộng trên 18 mét

HAO LÔNG
Province office: Văn phòng tỉnh
District office: Văn phòng huyện
Township office: Văn phòng xã
Village office: Văn phòng thôn

HAO LÔNG
Province office: Văn phòng tỉnh
District office: Văn phòng huyện
Township office: Văn phòng xã
Village office: Văn phòng thôn

Scale
Tỷ lệ 1:50,000
1 1/2 2 3 Statute Miles
1 1/2 2 3 Nautical Miles

CONTOUR INTERVAL - 20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS - 10 METERS

SPHEROID - EVEREST
GRID - 1,000 METER UTM, ZONE 49 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION - TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM - MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM - INDIAN DATUM 1960

PREPARED BY - AMS (U.S. ARMY, 1965)
NAMES DATA BY - NATIONAL GEOGRAPHIC SERVICE, VIETNAM
CONTROL BY - USAMSG, NG, VIETNAM, 29TH ENGR BN
SERVICE GEOGRAPHIC DEPARTMENT
PRINTED BY - AMS, U.S. ARMY

REFER CORRECTIONS TO THIS MAP TO COMMANDING OFFICER, ARMY MAP SERVICE, WASHINGTON, D.C.
XIN GHI NHỮNG SỬA ĐỔI TRONG BẢN ĐỒ NÀY ĐẾN NHÀ ĐỊA DƯ QUỐC GIA, HÀ TIÊN, VIỆT NAM

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE
RANH GIỚI HÀNH CHÍNH TRÊN BẢN ĐỒ NÀY CHỈ PHẠC ĐẠ VÀ KHÔNG CHÍNH XÁC

TO CONVERT A MAGNETIC AZIMUTH TO A GRID AZIMUTH
MÚN ĐỔI PHƯƠNG GIÁC Ồ VƯỢNG CỘNG THÊM GÓC V-T

TO CONVERT A GRID AZIMUTH TO A MAGNETIC AZIMUTH
MÚN ĐỔI PHƯƠNG GIÁC Ồ VƯỢNG TRỪ GÓC V-T

GLOSSARY - CỜ TỬ
Hòn: mountain
Núi: mountain
Sông: river, stream
Thôn: village
Xã: village

ELEVATION GUIDE
CHỈ DẪN CAO ĐỘ

BOUNDARIES
NHỮNG ĐỊA GIỚI

ADJOINING SHEETS
BẢNG RÁP ĐỊA ĐỒ

VIETNAMESE ENGLISH COMPARABLE

VIETNAMESE	ENGLISH	COMPARABLE
Thôn, Khu or Tỉnh	Province	U.S. STATE
Quận	County	U.S. COUNTY
Xã or Làng	Village	U.S. TOWNSHIP
Ấp	Hamlet	U.S. VILLAGE

VIETNAMESE ENGLISH COMPARABLE

VIETNAMESE	ENGLISH	COMPARABLE
Thôn, Khu or Tỉnh	Province	U.S. STATE
Quận	County	U.S. COUNTY
Xã or Làng	Village	U.S. TOWNSHIP
Ấp	Hamlet	U.S. VILLAGE

VIETNAMESE ENGLISH COMPARABLE

VIETNAMESE	ENGLISH	COMPARABLE
Thôn, Khu or Tỉnh	Province	U.S. STATE
Quận	County	U.S. COUNTY
Xã or Làng	Village	U.S. TOWNSHIP
Ấp	Hamlet	U.S. VILLAGE

VIETNAMESE ENGLISH COMPARABLE

VIETNAMESE	ENGLISH	COMPARABLE
Thôn, Khu or Tỉnh	Province	U.S. STATE
Quận	County	U.S. COUNTY
Xã or Làng	Village	U.S. TOWNSHIP
Ấp	Hamlet	U.S. VILLAGE